UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 625/QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 11 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về việc Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 617/SYT-NVY ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc phân loại cấp độ dịch COVID -19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại cấp độ dịch COVID-19 để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Cấp 1 - Nguy cơ thấp (bình thường mới) (vùng xanh): 03 đơn vị

Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 15 đơn vị.

Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 133 đơn vị.

Cấp 4 - Nguy cơ rất cao (vùng đỏ) : 0 đơn vị.

Điều 2. Thời gian áp dụng các nội dung tại Điều 1 kể từ ngày 11/03/2022 cho đến khi có thông báo mới.

Điều 3.

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành

phố căn cứ phân loại cấp độ dịch COVID-19 tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp hành chính tương ứng với cấp độ dịch trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định tạm thời một số biện pháp phòng, chống dịch COVID-19.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn quản lý để chủ động tăng cường khả năng đáp ứng, đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt và kịp thời tham mưu UBND tỉnh quyết định điều chỉnh phân loại cấp độ dịch COVID-19 theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cập nhật Bản đồ cấp độ dịch COVID-19 tỉnh Quảng Bình theo Quyết định của UBND tỉnh ban hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTg Chính phủ Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- BCĐ Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BCĐ PC dịch COVID-19 tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Trung tâm CH PC dịch COVID-19 tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình QB;
- Báo Quảng Bình;
- Trung tâm TH- CB tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, NCVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ An Phong

PHỤ LỤC
PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: 625 QĐ/UBND ngày 11 /03/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	ĐƠN VỊ	CẤP 1 (Vùng xanh)	CẤP 2 (Vùng vàng)	CẤP 3 (Vùng cam)	CẤP 4 (Vùng đỏ)
I	**TP ĐỒNG HỚI**				
1	Đức Ninh Đông			X	
2	Quang Phú			X	
3	Lộc Ninh			X	
4	Bảo Ninh			X	
5	Đồng Sơn			X	
6	Bắc Lý			X	
7	Nam Lý			X	
8	Hải Thành			X	
9	Đồng Phú			X	
10	Đồng Hải			X	
11	Phú Hải			X	
12	Thuận Đức			X	
13	Nghĩa Ninh			X	
14	Bắc Nghĩa			X	
15	Đức Ninh			X	
II	**HUYỆN TUYÊN HÓA**				
1	Đồng Lê			X	
2	Lâm Hóa			X	
3	Hương Hóa			X	
4	Thanh Thạch			X	
5	Kim Hóa			X	
6	Sơn Hóa			X	
7	Lê Hóa			X	
8	Thuận Hóa			X	
9	Đồng Hóa			X	
10	Thạch Hóa			X	
11	Đức Hóa			X	
12	Phong Hóa			X	
13	Mai Hóa			X	
14	Ngư Hóa			X	
15	Tiến Hóa			X	
16	Châu Hóa			X	
17	Thanh Hóa			X	
18	Cao Quảng			X	
19	Văn Hóa			X	
III	**HUYỆN MINH HÓA**				

TT	ĐƠN VỊ	CẤP 1 (Vùng xanh)	CẤP 2 (Vùng vàng)	CẤP 3 (Vùng cam)	CẤP 4 (Vùng đỏ)
1	Quy Đạt			X	
2	Dân Hóa			X	
3	Hóa Thanh	X			
4	Trọng Hóa		X		
5	Hóa Phúc		X		
6	Hồng Hóa		X		
7	Hóa Tiến			X	
8	Hóa Hợp			X	
9	Hóa Sơn		X		
10	Xuân Hóa		X		
11	Yên Hóa		X		
12	Trung Hóa	X			
13	Minh Hóa		X		
14	Thượng Hóa			X	
15	Tân Hoá		X		
IV	**HUYỆN QUẢNG TRẠCH**				
1	Quảng Hợp		X		
2	Quảng Đông			X	
3	Quảng Kim			X	
4	Quảng Phú			X	
5	Quảng Châu			X	
6	Quảng Tùng			X	
7	Cảnh Dương			X	
8	Quảng Hưng			X	
9	Quảng Xuân			X	
10	Quảng Thanh			X	
11	Quảng Phương			X	
12	Quảng Lưu			X	
13	Quảng Thạch			X	
14	Liên Trường			X	
15	Phù Hóa			X	
16	Cảnh Hóa			X	
17	Quảng Tiến			X	
V	**HUYỆN BỐ TRẠCH**				
1	Lâm Trạch			X	
2	Xuân Trạch			X	
3	TT Phong Nha			X	
4	Hưng Trạch			X	
5	Liên Trạch			X	
6	Cự Nẫm			X	
7	Phú Định			X	

TT	ĐƠN VỊ	CẤP 1 (Vùng xanh)	CẤP 2 (Vùng vàng)	CẤP 3 (Vùng cam)	CẤP 4 (Vùng đỏ)
8	Sơn Lộc			X	
9	Vạn Trạch			X	
10	Tây Trạch			X	
11	Hòa Trạch			X	
12	Nam Trạch			X	
13	Mỹ Trạch			X	
14	Hạ Trạch			X	
15	Bắc Trạch			X	
16	Thanh Trạch			X	
17	Hải Phú			X	
18	Đức Trạch			X	
19	Đồng Trạch			X	
20	Trung Trạch			X	
21	Đại Trạch			X	
22	Nhân Trạch			X	
23	Lý Trạch			X	
24	Hoàn Lão			X	
25	NT Việt Trung			X	
26	Thượng Trạch		X		
27	Tân Trạch			X	
28	Phúc Trạch			X	
VI	**HUYỆN QUẢNG NINH**				
1	Quán Hàu			X	
2	Vĩnh Ninh			X	
3	Trường Xuân			X	
4	Trường Sơn	X			
5	Duy Ninh			X	
6	Hàm Ninh			X	
7	Hiền Ninh			X	
8	Tân Ninh			X	
9	Xuân Ninh			X	
10	An Ninh			X	
11	Vạn Ninh			X	
12	Lương Ninh			X	
13	Võ Ninh			X	
14	Gia Ninh			X	
15	Hải Ninh			X	
VII	**HUYỆN LỆ THỦY**				
1	Kiến Giang			X	
2	Kim Thủy		X		
3	Ngân Thủy			X	

TT	ĐƠN VỊ	CẤP 1 (Vùng xanh)	CẤP 2 (Vùng vàng)	CẤP 3 (Vùng cam)	CẤP 4 (Vùng đỏ)
4	Lâm Thủy		X		
5	Hoa Thủy			X	
6	Sơn Thủy			X	
7	Phú Thủy			X	
8	Trường Thủy			X	
9	Mai Thủy			X	
10	Lộc Thủy			X	
11	An Thủy			X	
12	Xuân Thủy			X	
13	Phong Thủy			X	
14	Liên Thủy			X	
15	Mỹ Thủy			X	
16	Dương Thủy			X	
17	Tân Thủy			X	
18	Thái Thủy			X	
19	Hồng Thủy			X	
20	Thanh Thủy			X	
21	Cam Thủy			X	
22	Hưng Thủy			X	
23	Sen Thủy		X		
24	Ngư Thủy Bắc			X	
25	Ngư Thủy		X		
26	NT Lệ Ninh			X	
VIII	**THỊ XÃ BA ĐỒN**				
1	Ba Đồn			X	
2	Quảng Hòa			X	
3	Quảng Hải		X		
4	Quảng Long			X	
5	Quảng Lộc			X	
6	Quảng Minh			X	
7	Quảng Phong			X	
8	Quảng Phúc			X	
9	Quảng Sơn			X	
10	Quảng Thuận			X	
11	Quảng Thọ			X	
12	Quảng Thủy			X	
13	Quảng Tiên			X	
14	Quảng Trung			X	
15	Quảng Tân			X	
16	Quảng Văn			X	